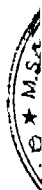


CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013



Hà Nội - Năm 2013

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 28

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty mẹ - Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 (sau đây gọi là "Công ty mẹ") là đơn vị hạch toán độc lập trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải, được thành lập theo Quyết định số 4897/QĐ/TCCB-LĐ ngày 27/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Tổng Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108247 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 29/10/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02/4/2013. Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 501.283.000.000 đồng.

Tên tiếng nước ngoài: Civil Engineering Construction Corporation 8.

Tên viết tắt: CIENCO 8.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: số 18 phố Hồ Đắc Di, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng Công ty:

Stt	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Văn phòng Tổng Công ty	Số 18 Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội
2	Ban điều hành dự án đường Hồ Chí Minh	Số 61 Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
3	Ban điều hành dự án xây dựng cầu Thanh Trì, gói thầu số 3	Ngõ 83 đường Ngọc Hồi, quận Hoàng Mai, Hà Nội
4	Ban điều hành các dự án phía Nam	Khu phố 2 Phường Bình Đa, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
5	Trung tâm Đào tạo Bồi dưỡng kỹ thuật và nghiệp vụ 8	36/252 phố Tây Sơn, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội
6	Chi nhánh Đào tạo nguồn nhân lực và Xuất khẩu lao động	Số 181 đường Nguyễn Viết Xuân, phường Đống Đa, TP Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
7	Chi nhánh Xuất khẩu Lao động và Hợp tác Quốc tế	Km 233 QL1A, Thanh Châu, Phú Lý, Hà Nam
8	Chi nhánh Đào tạo và Cung ứng lao động quốc tế	Thôn Phương Trạch, xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh, Hà Nội
9	Công ty Vật tư và Xây dựng công trình	Số 18 Hồ Đắc Di, Đống Đa, Hà Nội
10	Ban điều hành Xây dựng đường cao tốc Cầu Giẽ Ninh Bình gói thầu số 4	Km 233 QL1A, Thanh Châu, Phú Lý, Hà Nam

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng thành viên	Ông Vũ Cao Đàm	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 18/11/2013)
	Ông Đỗ Thái Hưng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 18/11/2013)
	Ông Phạm Xuân Thủy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 06/8/2013)
	Ông Vũ Hải Thanh	Thành viên (nghỉ hưu ngày 30/6/2013)
	Ông Trần Huy Hoàng	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
	Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Phạm Xuân Thủy	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06/8/2013)
	Ông Vũ Hải Thanh	Tổng Giám đốc (nghỉ hưu ngày 30/6/2013)
	Ông Dương Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Chu Văn Thiệu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Mai Ngọc Phát	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Huy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 29/8/2013)
	Ông Nguyễn Văn Thành	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 28/8/2013)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty mẹ - Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

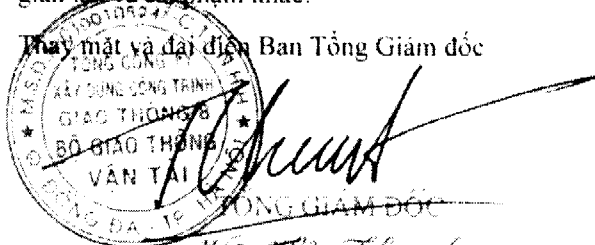
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ - Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty mẹ - Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty mẹ - Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty mẹ - Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc

A circular stamp of the company is visible, containing the text: "CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8", "BỘ GIAO THÔNG", "VĂN TÀI", and "HÀNG ĐÀ - TP. HỒ CHÍ MINH". Overlaid on the stamp is a handwritten signature.

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng Năm 2013

Số.584/2013/BCKT-BCTCTH/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
của Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8

Kính gửi: **Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 được lập ngày tháng năm 2013 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 (gọi tắt là "Công ty mẹ"), trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Công ty mẹ - Tổng Công ty chưa xem xét và đánh giá trích lập đầy đủ các khoản dự phòng công nợ phải thu khó thu hồi và các khoản đầu tư dài hạn. Theo quan điểm của Tổng Công ty, thời điểm 30/6/2013 Công ty mẹ thực hiện cổ phần hóa theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải, theo quy định khi xác định giá trị doanh nghiệp các khoản trích lập dự phòng phải được hoàn nhập nên thời điểm 30/6/2013 Tổng Công ty không thực hiện trích lập các khoản dự phòng này.

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, Ban điều hành các dự án phía Nam - đơn vị trực thuộc Tổng Công ty - đã ghi nhận doanh thu và chi phí của công trình đường V1, V2 Xuyên Á phát sinh trong giai đoạn năm 2000 đến năm 2007 với số tiền tương ứng là 1.005,046 tỷ đồng và 974,28 tỷ đồng, tương đương với khoản lợi nhuận là 30,76 tỷ đồng. Căn cứ vào hồ sơ Ban điều hành cung cấp, chi phí chưa có hồ sơ chứng từ gốc tại thời điểm hạch toán là 65,2 tỷ đồng, doanh thu hạch toán chênh lệch so với hồ sơ nghiệm thu là 59,9 triệu đồng. Đồng thời Ban điều hành các dự án phía Nam không cung cấp được sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp để kiểm tra số liệu kế toán đã ghi nhận của công trình đường V1, V2 Xuyên Á cho giai đoạn từ khi phát sinh doanh thu, chi phí các công trình này. Do vậy chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về việc hạch toán doanh thu, chi phí công trình này và khoản lợi nhuận tương ứng vào phát sinh của kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8.

Trong kỳ hoạt động này, Ban điều hành các dự án phía Nam ghi nhận khoản lãi chênh lệch tỷ giá công trình đường V1, V2 Xuyên Á đang phản ánh số dư trên tài khoản 335 - chi phí phải trả với số tiền là 16,74 tỷ đồng vào tài khoản doanh thu hoạt động tài chính. Tuy nhiên Ban điều hành không cung cấp được số chi tiết, số tổng hợp và chứng từ có liên quan đến khoản chênh lệch tỷ giá này do vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về việc ghi nhận lãi chênh lệch tỷ giá công trình này cũng như ảnh hưởng của nó đến Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 ra Quyết định số 215/QĐ-TCT8 ngày 19/05/2010 về việc sáp nhập nguyên trạng Chi nhánh phía Nam vào Ban điều hành các dự án Phía Nam. Theo đó, Ban Điều hành các dự án Phía Nam có trách nhiệm tiếp nhận nguyên trạng toàn bộ tài sản, vốn gồm số dư tiền mặt, công nợ phải thu, phải trả, cơ sở vật chất, máy móc thiết bị... của Chi nhánh phía Nam và thực hiện cộng hợp vào Báo cáo tài chính của Ban điều hành phía Nam. Tuy nhiên số liệu bàn giao chưa được thực hiện kiểm kê gồm tài sản cố định hữu hình có nguyên giá là 10.109.653.562 đồng và giá trị hao mòn lũy kế là 7.719.039.294 đồng; tiền mặt là 129.929.027 đồng, hàng tồn kho là 3.697.960.999 đồng, đồng thời Ban điều hành Phía Nam không tính và trích khấu hao đối với các tài sản này từ khi nhận bàn giao; công nợ chưa đủ hồ sơ và chưa được đối chiếu tại ngày 30/06/2013 gồm tổng các khoản công nợ phải thu là 35.937.523.137 đồng và tổng các khoản công nợ phải trả là 18.152.872.310 đồng; số dư chi phí trả trước nhận bàn giao và không được phân bổ vào chi phí từ khi bàn giao gồm chi phí trả trước ngắn hạn là 16.918.029.005 đồng, chi phí trả trước dài hạn là 1.774.274.620 đồng. Do vậy, chúng tôi chưa đánh giá được ảnh hưởng của các số liệu bàn giao từ năm 2009 của Chi nhánh phía Nam đến Báo cáo tài chính kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 của Công ty mẹ - Tổng Công ty.

Tại ngày 30/06/2013, theo chi tiết tại thuyết minh số 5.8 Thuyết minh Báo cáo tài chính, Tổng Công ty thực hiện kết chuyển hết số dư chi phí trả trước dài hạn (tài khoản 242) là các chi phí bảo lãnh của ngân hàng thực hiện hợp đồng và chi phí bảo lãnh tạm ứng hợp đồng, bao gồm kết chuyển vào giá trị phân khai cho các nhà thầu và kết chuyển vào chi phí. Các chi phí bảo lãnh của ngân hàng được kết chuyển vào chi phí giai đoạn ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 có thể sẽ được bù trừ vào giá trị nghiệm thu với các nhà thầu. Do thời gian thi công các công trình có thể kéo dài hơn kế hoạch nên Tổng công ty đánh giá khó thu hồi từ các nhà thầu và thực hiện kết chuyển các khoản chi phí bảo lãnh ngân hàng này vào chi phí. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về việc kết chuyển chi phí này cũng như ảnh hưởng của nó đến Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Hạn chế trong xử lý kế toán

Ban điều hành các dự án phía Nam chưa ghi nhận đủ chi phí lãi vay và lãi phạt chậm trả lũy kế đến thời điểm 30/06/2013 của Ngân hàng TMCP Quân Đội là 21.757.196.533 đồng vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo thông báo của ngân hàng. Nếu Ban điều hành các dự án phía Nam ghi nhận đủ các chi phí này thì Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ - Tổng Công ty kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 sẽ làm giảm lợi nhuận với số tiền là 21.757.196.533 đồng. Theo ý kiến của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2013, Tổng Công ty chưa thống nhất được với Ngân hàng TMCP Quân Đội về lãi vay, lãi phạt phải trả, do đó chưa đủ cơ sở để Ban điều hành các dự án phía Nam ghi nhận khoản chi phí nêu trên vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã nêu tại phần Hạn chế phạm vi kiểm toán và Hạn chế trong xử lý kế toán, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Phú Hà
Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0389 - 2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2013

Bùi Thị Thúy
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0580 - 2013-075-1

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.427.628.359.430	1.313.519.593.379
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	40.264.219.704	85.997.256.585
1. Tiền	111		40.264.219.704	85.997.256.585
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.239.555.194.991	1.034.119.718.061
1. Phải thu khách hàng	131		138.132.992.858	109.208.580.601
2. Trả trước cho người bán	132		1.046.202.203.012	827.326.050.971
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		23.870.219.367	42.432.311.560
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	31.349.779.754	55.152.774.929
IV- Hàng tồn kho	140	5.2	93.961.796.180	127.291.067.186
1. Hàng tồn kho	141		93.961.796.180	127.291.067.186
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		53.847.148.555	66.111.551.547
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		17.106.604.893	14.326.530.252
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.545.239.930	28.221.669.588
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154		32.820.729	56.527.310
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	15.162.483.003	23.506.824.397
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		181.620.617.565	237.373.877.101
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	2.765.021.014
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	2.438.501.753
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	326.519.261
II Tài sản cố định	220		67.046.343.347	70.651.130.669
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	42.716.566.275	46.571.582.034
- Nguyên giá	222		86.837.481.003	92.238.234.409
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.120.914.728)	(45.666.652.375)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.5	24.329.777.072	24.079.548.635
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	112.621.267.601	112.621.267.601
1. Đầu tư vào công ty con	251		88.192.034.101	88.192.034.101
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		13.026.560.000	13.026.560.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		11.402.673.500	11.402.673.500
4. Dự phòng giảm giá ĐTTC dài hạn	259		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		1.953.006.617	51.336.457.817
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.953.006.617	51.336.457.817
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.609.248.976.995	1.550.893.470.480

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.443.573.443.758	1.382.757.776.896
I- Nợ ngắn hạn	310		1.387.165.447.626	1.310.917.310.432
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	166.197.810.627	162.974.548.186
2. Phải trả người bán	312		161.696.533.996	112.279.295.845
3. Người mua trả tiền trước	313		770.597.798.886	787.225.839.728
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	10.569.092.490	14.410.531.315
5. Phải trả người lao động	315		1.987.679.057	1.991.428.307
6. Chi phí phải trả	316	5.10	214.086.134.653	151.894.099.617
7. Phải trả nội bộ	317		124.952.027	14.503.062.482
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	5.12	50.481.343.116	57.162.318.919
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		11.424.102.774	8.476.186.033
II- Nợ dài hạn	330		56.407.996.132	71.840.466.464
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	14.012.625.917
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	463.100.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.13	5.192.366.936	5.414.674.516
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		51.215.629.196	51.950.066.031
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		165.675.533.237	168.135.693.584
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	165.675.533.237	168.135.693.584
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		149.839.643.542	145.719.879.184
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.366.387.683	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.241.238.016	6.277.416.908
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	9.463.670.575
11. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		7.228.263.996	6.674.726.917
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.609.248.976.995	1.550.893.470.480

Hà Nội ngày 12 tháng 6 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

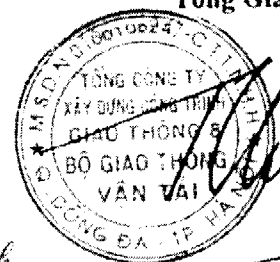
Tổng Giám đốc



Đỗ Đình Dương



KẾ TOÁN TRƯỞNG
 Nguyễn Văn Thành




 TỔNG GIÁM ĐỐC
 Vũ Hải Thành

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

				Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
CHỈ TIÊU	MS	TM		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01			1.629.218.282.548
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			11.683.300
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.15		1.629.206.599.248
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16		1.651.996.352.051
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20			(22.789.752.803)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17		70.275.698.011
7. Chi phí tài chính	22	5.18		20.243.961.145
Trong đó: Chi phí lãi vay	23			10.075.501.924
8. Chi phí bán hàng	24			-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25			19.750.955.096
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30			7.491.028.967
11. Thu nhập khác	31	5.19		1.535.117.631
12. Chi phí khác	32	5.20		8.805.900.951
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40			(7.270.783.320)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50			220.245.647
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			45.705.149
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60			174.540.498

Hà Nội ngày 12 tháng 7 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Đình Dương



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thành





Tổng Giám đốc
 Vũ Hải Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

		Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	
		MS	VND
CHỈ TIÊU			
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	220.245.647
2.	Điều chỉnh cho các khoản		
	- Khấu hao tài sản cố định	02	3.457.623.733
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(812.789.792)
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(51.311.744.514)
	- Chi phí lãi vay	06	10.075.501.924
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(38.371.163.002)
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(137.817.365.805)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	33.329.271.006
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	53.145.801.502
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	46.603.376.559
	- Tiền lãi vay đã trả	13	(6.876.799.152)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20	(49.986.878.892)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(250.228.437)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	1.503.132.036
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.252.903.599
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	71.558.192.770
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(68.557.237.909)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.000.954.861
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(45.733.020.432)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	85.997.256.585
	Ảnh hưởng của TD TGHD quy đổi ngoại tệ	61	(16.449)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	40.264.219.704

Người lập

ĐMC

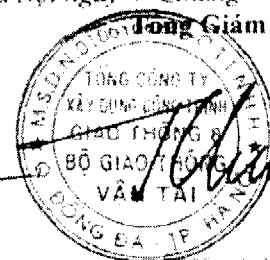
Đỗ Đình Dương

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thành

KẾ TOÁN TRƯỞNG
 Nguyễn Văn Thành

Hà Nội ngày 12 tháng 6 năm 2013



Tổng Giám đốc

Vũ Hải Thành
 TÔNG GIÁM ĐỐC
 Vũ Hải Thành

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 (sau đây gọi là “Công ty mẹ”) là đơn vị hạch toán độc lập trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải, được thành lập theo Quyết định số 4897/QĐ/TCCB-LĐ ngày 27/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Tổng Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108247 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 29/10/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02/4/2013. Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 501.283.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: số 18 phố Hồ Đắc Di, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, quốc phòng, điện;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, đồ mộc;
- Sửa chữa phương tiện, thiết bị thi công;
- Bán buôn, bán lẻ vật tư, thiết bị giao thông vận tải, thiết bị công nghệ tin học;
- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, văn phòng làm việc (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ du lịch;
- Bán buôn, bán lẻ vật tư, thiết bị y tế;
- Đào tạo kỹ thuật và nghiệp vụ;
- Vận tải khách bằng xe du lịch và taxi;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ nhờn;
- Lắp ráp xe máy;
- Lắp ráp, bảo trì thang máy;
- Sản xuất, lắp ráp ắc quy các loại;
- Mua, bán thiết bị truyền thông, truyền hình;
- Xuất khẩu lao động (Hoạt động theo giấy phép số 89/LĐTBXH-GP của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội);
- Sản xuất, lắp ráp động cơ, khung và phụ tùng xe máy;
- Xây dựng nhà các loại;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư các công trình, dự án giao thông theo hình thức BOT;
- Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng và kiến trúc các cụm dân cư, đô thị mới;
- Đào tạo lái xe ô tô (Chỉ hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Khảo sát địa chất công trình;
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ;
- Thiết kế xây dựng công trình: nền, mặt đường, đường ô tô; bến bãi, ngầm tràn thoát nước và các công trình phụ trợ khác trên đường;
- Thiết kế công trình thủy lợi;
- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thi nghiệm vật liệu xây dựng; kiểm định chất lượng công trình;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa Công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng khi đáp ứng đủ điều kiện, năng lực theo quy định của pháp luật).

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính/Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty mẹ - Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Ngày 25/4/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Việc áp dụng Thông tư 45 yêu cầu tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định là các tài sản có giá trị từ 30 triệu đồng trở lên và phân loại lại các loại tài sản cố định có nguyên giá thấp hơn 30 triệu đồng sang theo dõi như công cụ xuất dùng. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 10/6/2013.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty mẹ - Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng Thương mại nơi Tổng Công ty có giao dịch phát sinh. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ - Tổng Công ty mở tài khoản. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

6 tháng đầu năm 2013

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	24 - 28
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
TSCĐ hữu hình khác	03 - 08

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty mẹ - Tổng Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 2 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty mẹ - Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các công ty con, các khoản đầu tư liên doanh liên kết, đầu tư dài hạn khác của Công ty mẹ. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	2.369.274.651	3.285.375.483
Tiền gửi Ngân hàng	37.104.587.881	82.711.881.102
Tiền đang chuyển	790.357.172	-
Tổng	40.264.219.704	85.997.256.585

5.2 Hàng tồn kho

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	643.273.920	20.441.143.998
Công cụ, dụng cụ	14.202.452	219.238.336
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	93.304.319.808	106.630.684.852
Tổng	93.961.796.180	127.291.067.186

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Bảo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.3 Các khoản phải thu khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Dự án G1 - Vĩnh Long	730.683.191	5.553.342.291
BĐH Liên danh gói thầu PK1A	3.304.417.816	7.446.101.293
BĐH Liên danh gói thầu PK1C	18.406.054.461	22.748.048.151
BĐH Liên danh gói thầu số 3 DA vành đai 3 GD2	-	574.471.703
BĐH Dự án nhà ga T2 Nội Bài	3.222.881.995	3.904.881.995
Công ty Cầu 75	1.641.500.000	-
Công ty Vật tư Xây dựng Công trình	-	12.633.799.930
Phải thu khác	4.044.242.291	2.292.129.566
Tổng	31.349.779.754	55.152.774.929

5.4 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	62.222.916
Tạm ứng	15.162.483.003	23.444.601.481
	15.162.483.003	23.506.824.397

5.5 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
<i>Chi tiết theo công trình</i>		
Công trình nhà điều hành Mai Dịch	4.966.344.203	4.966.344.203
Dự án Trường Trung cấp nghề CIENCO 8	19.363.432.869	19.113.204.432
Tổng	24.329.777.072	24.079.548.635

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Mẫu B 09-DN					
Đơn vị tính: VND					
Nguyên giá	Nhà cửa VKT	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Phụ thuộc	
				Thiết bị DCQL	TSCĐ khác
Số dư tại 01/01/2013	26.291.947.813	39.828.084.047	10.053.852.572	5.543.423.688	10.520.926.289
Tăng trong kỳ	-	9.302.025.929	2.535.105.859	41.217.315	-
Tăng khác	-	-	-	41.217.315	-
Phân loại lại tài sản	-	9.302.025.929	2.535.105.859	-	-
Giảm trong kỳ	-	1.002.160.624	2.495.843.787	3.260.171.809	10.520.926.289
Phân loại lại tài sản	-	-	-	1.727.478.226	10.109.653.562
Thanh lý nhượng bán	-	515.622.857	2.228.934.587	174.929.276	368.181.818
Giảm khác	-	185.000.000	194.637.200	10.697.318	-
Phân loại lại tài sản theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC	-	301.537.767	72.272.000	1.347.066.989	43.090.909
Số dư tại 30/06/2013	26.291.947.813	48.127.949.352	10.093.114.644	2.324.469.194	-
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại 01/01/2013	9.842.926.857	15.548.693.174	9.923.465.735	2.462.189.772	7.889.376.837
Tăng trong kỳ	446.461.602	10.904.608.455	356.453.214	72.142.238	55.277.539
Khấu hao	446.461.602	2.568.506.455	356.453.214	30.924.923	55.277.539
Phân loại lại tài sản	-	8.336.102.000	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	41.217.315	-
Giảm trong kỳ	51	924.629.553	2.794.294.672	1.717.102.043	7.944.654.376
Thanh lý, nhượng bán	-	515.622.857	2.228.934.587	174.929.276	368.181.818
Phân loại lại tài sản	51	-	298.450.885	497.401.571	7.540.249.493
Phân loại lại tài sản theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC	-	224.006.696	72.272.000	1.044.771.196	36.223.065
Giảm khác	-	185.000.000	194.637.200	-	-
Số dư tại 30/06/2013	10.289.388.408	25.528.672.076	7.485.624.277	817.229.967	-
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2013	16.449.020.956	24.279.390.873	130.386.837	3.081.233.916	2.631.549.452
Tại 30/06/2013	16.002.559.405	22.599.277.276	2.607.490.367	1.507.239.227	-

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư vào Công ty con		88.192.034.101		88.192.034.101
Công ty Cổ phần 809	153.150	1.531.500.000	153.150	1.531.500.000
Công ty Cổ phần 810	944.380	9.443.800.000	944.380	9.443.800.000
Công ty Cổ phần 820	608.500	6.085.000.000	608.500	6.085.000.000
Công ty Cổ phần 829	1.023.023	10.230.228.064	1.023.023	10.230.228.064
Công ty Cổ phần 842	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần 873	1.606.200	16.062.000.000	1.606.200	16.062.000.000
Công ty Cổ phần 874	657.600	6.576.000.000	657.600	6.576.000.000
Công ty Công trình Giao thông 875	364.343	3.643.427.722	364.343	3.643.427.722
Công ty Cổ phần 889	365.670	3.656.700.000	365.670	3.656.700.000
Công ty Công trình Giao thông 892	557.159	5.571.586.125	557.159	5.571.586.125
Công ty Cổ phần Cầu 75	717.204	7.172.042.190	717.204	7.172.042.190
Công ty Liên doanh Miền Trung	244.975	2.449.750.000	244.975	2.449.750.000
Công ty Cổ phần Miền Tây	325.000	3.250.000.000	325.000	3.250.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn 8	268.800	2.688.000.000	268.800	2.688.000.000
Công ty CP XD Giao thông Việt Lào	383.200	3.832.000.000	383.200	3.832.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết		13.026.560.000		13.026.560.000
Công ty Cổ phần 808		200.000.000		200.000.000
Công ty CP XD CTGT 838	786.900	7.869.000.000	786.900	7.869.000.000
Công ty CP TV Công nghệ XD 868	3.600	36.000.000	3.600	36.000.000
Công ty Cổ phần 872	285.350	2.853.500.000	285.350	2.853.500.000
Công ty CP ĐTXD 886 - Thành Nam	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần 898-Cienco8	6.806	68.060.000	6.806	68.060.000
Đầu tư dài hạn khác		11.402.673.500		11.402.673.500
Công ty Cổ phần Quan hệ Quốc tế	1.017.000	10.170.000.000	1.017.000	10.170.000.000
Cổ phiếu		1.232.673.500	-	1.232.673.500
Tổng		112.621.267.601		112.621.267.601

Thông tin về công ty con

Công ty	Ngành nghề chính	Vốn điều lệ VND	% sở hữu theo cam kết	% sở hữu theo thực tế
Công ty 829	Xây dựng	11.730.560.224	87,21%	97,73%
Công ty 875	Xây dựng	5.001.755.936	72,84%	100,00%
Công ty 892	Xây dựng	5.834.897.691	95,49%	100,00%
Công ty 75	Xây dựng	10.492.714.912	68,35%	100,00%
Công ty Cổ phần 809	Xây dựng	10.000.000.000	15,32%	45,32%
Công ty Cổ phần 810	Xây dựng	18.517.300.000	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần 842	Xây dựng	9.216.500.000	65,10%	74,38%
Công ty Cổ phần 873	Xây dựng	18.448.000.000	87,07%	91,85%
Công ty Cổ phần 874	Xây dựng	12.000.000.000	54,80%	54,80%
Công ty Cổ phần 889	Xây dựng	7.178.000.000	50,94%	50,94%
Công ty CP Xây dựng Giao thông Việt Lào	Xây dựng	7.500.000.000	51,09%	51,09%
Công ty Cổ phần Miền Tây	Xây dựng	5.735.550.000	56,66%	58,27%
Công ty Cổ phần Tư vấn 8	Xây dựng	5.247.410.000	51,23%	51,23%
Công ty Cổ phần 820	Xây dựng	12.481.117.754	48,75%	48,75%
Công ty Liên doanh Miền Trung	Xây dựng	3.180.000.000	77,04%	77,04%

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**Thông tin về công ty liên kết**

Công ty	Ngành nghề	Vốn điều lệ VND	% sở hữu theo cam kết	% sở hữu theo thực tế
Công ty Cổ phần 838	Xây dựng	16.844.600.000	46,72%	46,72%
Công ty Cổ phần 872	Xây dựng	5.823.500.000	15,16%	15,16%
Công ty Cổ phần 808	Xây dựng	16.000.000.000	10,63%	54,84%
Công ty Cổ phần 886	Xây dựng	19.800.000.000	15,15%	3,00%
Công ty Cổ phần 868	Xây dựng	7.000.000.000	21,08%	23,75%
Công ty Cổ phần 898	Xây dựng	5.000.000.000	29,36%	29,36%

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Công cụ dụng cụ	1.953.006.617	2.036.858.152
Chi phí bảo lãnh công trình	-	49.299.599.665
	1.953.006.617	51.336.457.817

5.9 Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay ngắn hạn	139.009.765.549	133.330.566.370
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	7.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN HN	107.497.076.887	90.110.983.614
Ngân hàng TMCP Kỹ thương - CN Đông Đô	17.663.234.326	20.940.812.020
Ngân hàng ĐT&PT Hà Nội	277.737.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	2.149.556.195	3.559.556.195
Quỹ Hỗ trợ Phát triển - CN Vĩnh Long	1.453.130.141	1.453.130.141
Vay cá nhân	9.969.031.000	10.266.084.400
Nợ dài hạn đến hạn trả	27.188.045.078	29.643.981.816
Ngân hàng TMCP Kỹ thương	2.840.300.258	2.806.510.516
- CN Đông Đô (USD)		
Ngân hàng TMCP Kỹ thương	4.465.637.946	5.138.697.762
- CN Đông Đô (JPY)		
Ngân hàng Phát triển VN - Sở Giao dịch I	5.487.465.691	5.487.465.691
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN HN	387.845.722	704.512.386
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển	1.116.452.803	1.116.452.803
- CN Thăng Long (nhận nợ hộ Công ty 892)		
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển	6.290.342.658	6.290.342.658
- CN Thăng Long (nhận nợ hộ Công ty 874)		
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển - CN Thăng Long (nhận nợ hộ Công ty Hữu Nghị)	6.600.000.000	8.100.000.000
Tổng	166.197.810.627	162.974.548.186

5.10 Chi phí phải trả

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí trích trước các công trình	214.086.134.653	151.894.099.617
Tổng	214.086.134.653	151.894.099.617

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	5.321.821.933	5.094.337.497
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.864.665.864	4.744.014.696
Thuế thu nhập cá nhân	319.383.734	281.931.350
Thuế tài nguyên	369.829.744	369.829.744
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.917.929.500	3.127.309.000
Các loại thuế khác	775.461.715	793.109.028
Tổng	10.569.092.490	14.410.531.315

5.12 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	566.391.611	504.690.295
Bảo hiểm xã hội	1.338.366.990	2.591.547.909
Bảo hiểm y tế	6.421.391	5.752.470
Phải trả về cổ phần hóa	150.023.810	490.023.810
Bảo hiểm thất nghiệp	1.829.859	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	48.418.309.455	53.570.304.435
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình</i>		
<i>Giao thông 810</i>	340.000.000	-
<i>Công ty CP XD DV và TM 68</i>	-	2.500.000.000
<i>Công ty CP Tập đoàn Đầu tư</i>		
<i>Xây dựng Nhà đất</i>	1.500.000.000	1.500.000.000
<i>Ban điều hành Liên danh</i>		
<i>Gói PK2 Hà Nội - Thái Nguyên</i>	1.364.970.888	1.436.265.772
<i>Tạm ứng của các chủ nhiệm công trình</i>	16.610.845.989	12.412.806.832
<i>Chi phí thực tế đã phát sinh chờ bù giá</i>	-	5.466.053.622
<i>Công ty XDCT Giao thông 874</i>	857.996.000	-
<i>Ban điều hành V3</i>	1.999.640.032	-
<i>Phải trả khác</i>	25.744.856.546	30.255.178.209
Tổng	50.481.343.116	57.162.318.919

5.13 Vay và nợ dài hạn

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Kỹ thương		
- CN Đồng Đô (JPY)	1.488.545.982	1.710.853.562
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội		
- CN Hà Nội	403.820.954	403.820.954
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN	3.300.000.000	3.300.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN HCM	-	-
Tổng	5.192.366.936	5.414.674.516

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU B 09-DN

5.14 Vốn chủ sở hữu

Dối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2012	121.008.060.815	4.033.659.068	1.114.876.449	20.627.390.623	5.550.049.743	17.627.449.818	169.961.486.516
Tăng trong năm	24.711.818.369	2.641.067.849	-	1.055.090.029	727.367.165	(538.294.675)	28.597.048.737
Tăng vốn trong năm	24.711.818.369	-	-	1.055.090.029	727.367.165	-	26.494.275.563
Điều chỉnh theo KTNN	-	-	-	-	-	(2.576.450.928)	(2.576.450.928)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	2.038.156.253	2.038.156.253
Lãi khác	-	2.641.067.849	-	-	-	-	2.641.067.849
Giảm trong năm	-	-	1.114.876.449	21.682.480.652	-	7.625.484.568	30.422.841.669
Giảm khác	-	-	1.114.876.449	21.682.480.652	-	136.597.691	22.933.954.792
Trích quỹ	-	-	-	-	-	7.273.671.646	7.273.671.646
Điều chỉnh theo KTNN	-	-	-	-	-	215.215.231	215.215.231
Số dư tại 31/12/2012	145.719.879.184	6.674.726.917	-	-	6.277.416.908	9.463.670.575	168.135.693.584
Số dư tại 01/01/2013	145.719.879.184	6.674.726.917	-	-	6.277.416.908	9.463.670.575	168.135.693.584
Tăng trong kỳ	4.119.764.358	553.537.079	-	1.366.387.683	963.821.108	174.540.498	7.178.050.726
Lãi vốn trong kỳ	4.119.764.358	-	-	-	-	-	4.119.764.358
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	174.540.498	174.540.498
Trích quỹ	-	-	-	1.366.387.683	963.821.108	-	2.330.208.791
Lãi khác	-	553.537.079	-	-	-	-	553.537.079
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	9.638.211.073	9.638.211.073
Trích quỹ	-	-	-	-	-	9.638.211.073	9.638.211.073
Số dư tại 30/06/2013	149.839.643.542	7.228.263.996	-	1.366.387.683	7.241.238.016	-	165.675.533.237

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.609.128.461.650
Doanh thu bán hàng hóa	14.527.372.119
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.562.448.779
Tổng	1.629.218.282.548
Các khoản giảm trừ doanh thu	11.683.300
Doanh thu thuần	1.629.206.599.248

5.16 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Giá vốn của công trình xây lắp	1.633.382.261.699
Giá vốn của hàng hóa đã bán	15.362.263.731
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.251.826.621
Tổng	1.651.996.352.051

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền gửi	1.372.604.058
Cổ tức, lợi nhuận được chia	130.566.508
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	18.050.668.618
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	913.246.349
Lãi cho vay vốn, khác	49.808.612.478
Tổng	70.275.698.011

5.18 Chi phí tài chính

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền vay	10.075.501.924
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá	100.456.557
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	240
Lãi chậm thanh toán	10.068.002.424
Tổng	20.243.961.145

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÀU B 09-DN

5.19 Thu nhập khác

Kỳ hoạt động

từ 01/01/2013

đến 30/06/2013

VND

Thu thanh lý TSCĐ

437.454.546

Thu nhập khác

1.097.663.085

Tổng**1.535.117.631****5.20 Chi phí khác**

Kỳ hoạt động

từ 01/01/2013

đến 30/06/2013

VND

Chi phí phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm

254.209.148

Lãi chậm trả

443.064.503

Chi phí khác

810.700.225

Phạt vi phạm hợp đồng

7.297.927.075

Tổng**8.805.900.951**

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Bảo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty mẹ - Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty mẹ gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.264.219.704	85.997.256.585
Phải thu khách hàng và phải thu khác	169.482.772.612	164.361.355.530
Đầu tư dài hạn khác	11.402.673.500	11.402.673.500
Cộng	221.149.665.816	261.761.285.615
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	171.390.177.563	168.389.222.702
Phải trả người bán và phải trả khác	212.177.877.112	169.904.714.764
Chi phí phải trả	214.086.134.653	151.894.099.617
Cộng	597.654.189.328	490.188.037.083

Công ty mẹ chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT - BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 về việc Hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh công cụ thông tin công cụ tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty mẹ - Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty mẹ - Tổng Công ty có phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc.

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
30/06/2013			
Các khoản vay	166.197.810.627	5.192.366.936	171.390.177.563
Phải trả người bán và phải trả khác	212.177.877.112	-	212.177.877.112
Chi phí phải trả	214.086.134.653	-	214.086.134.653
Cộng	592.461.822.392	5.192.366.936	597.654.189.328
01/01/2013			
Các khoản vay	162.974.548.186	5.414.674.516	168.389.222.702
Phải trả người bán và phải trả khác	212.177.877.112	463.100.000	212.640.977.112
Chi phí phải trả	151.894.099.617	-	151.894.099.617
Cộng	527.046.524.915	5.877.774.516	532.924.299.431

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phát sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Khoản mục	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm - 5 năm VND	Tổng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
30/06/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.264.219.704	-	40.264.219.704
Phải thu khách hàng và phải thu khác	169.482.772.612	-	169.482.772.612
Đầu tư dài hạn khác	11.402.673.500	-	11.402.673.500
Cộng	221.149.665.816		221.149.665.816
01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.997.256.585	-	85.997.256.585
Phải thu khách hàng và phải thu khác	164.361.355.530	-	164.361.355.530
Đầu tư dài hạn khác	11.402.673.500	-	11.402.673.500
Cộng	261.761.285.615		261.761.285.615

6.2 Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc	Tiền lương và các khoản thu nhập khác	861.924.000

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Giao dịch bán hàng			
Công ty CP Xây dựng CTGT 808	Công ty liên kết	Cho thuê thiết bị Bê tông	153.000.000 1.527.544.552
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 819	Công ty liên kết	Cho thuê thiết bị	226.538.464
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 820	Công ty con	DT Quỹ QLCT	(6.000.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 875	Công ty con	Cho thuê thiết bị DT Quỹ QLCT	92.909.091 (2.891.532.763)
Công ty CP ĐT và XD 898	Công ty liên kết	Bê tông	40.969.231
Công ty CP XD Miền Tây	Công ty con	Cho thuê thiết bị	6.472.491.756
Công ty Cầu 75	Công ty con	Bê tông	

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

			Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	
Giao dịch mua hàng			
		Gói 8 Lim - Phà Lại	5.328.964.538
		Gói 9 DA Láng	1.358.050.655
		Hòa Lạc	4.729.069.341
Công ty Cầu 75	Công ty con	DA Vành đai 3 - GĐ2	34.506.871.964
		Gói PK2	801.287.406
		EX 10	196.598.818
		Bê tông	46.920.842.722
Cộng			929.048.837
Công ty Cổ phần	Công ty con	Gói thầu CP4	929.048.837
Xây dựng CTGT 810			
Cộng			581.886.126
Công ty Cổ phần	Công ty con	Gói 4-CG Ninh Bình	581.886.126
Xây dựng CTGT 820			
Cộng			2.230.986.643
Công ty Cổ phần	Công ty liên kết	Gói 9 cầu sập tỉnh	1.225.827.515
Xây dựng CTGT 838		Sơn La	3.456.814.158
		Gói 4-CG Ninh Bình	
Cộng			6.609.103.165
Công ty Cổ phần	Công ty con	Gói PK2	6.609.103.165
Xây dựng CTGT 875			
Cộng			2.080.596.857
Công ty Cổ phần	Công ty liên kết	DA TN5.2	60.314.948.116
Đầu tư XD & TM 886		Gói PK2	726.388.568
		Gói 2 Nội Bài Nhật	
		Tân	63.121.933.541
Cộng			3.626.003.269
Công ty CP Đầu tư Thương	Công ty liên kết	Gói thầu CP5.1	
mại và Xây dựng 879			

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

			Kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Bên liên quan	Mối quan hệ		
Giao dịch mua hàng			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 898	Công ty liên kết	DA TN5.2 Gói PK2	440.895.375 384.983.209 825.878.584
Cộng		Lương thợ máy Gói 2 Quốc lộ 32	15.000.000 2.191.933.836
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 808	Công ty liên kết	Cung cấp ống thi công Gói PK2	198.109.000 10.742.509.777 13.147.552.613
Cộng		Dự án thoát nước CP4	290.663.129
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Công trình 809	Công ty con	Gói thầu C P5.1	1.449.079.053 1.739.742.182
Cộng		Dự án gói XL4 Lương thợ máy	- 20.000.000 20.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và TM 819	Công ty liên kết		1.403.805.213
Cộng		DA PK1A Gói PK2	23.937.006.800 25.340.812.013
Công ty Cổ phần Xây dựng Miền Tây	Công ty con		
Cộng			
Công ty CP Đầu tư Xây dựng TM và Đào tạo 8	Công ty liên kết	DA PK1A	5.714.092.791 5.714.092.791
Cộng		Dự án thoát nước gói thầu CP 4	1.623.049.498 1.623.049.498
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông 8	Công ty con		
Cộng		Gói số 2 Quốc lộ 14 Cơ túc Gói 22 A Tép Thanh Mỹ	12.984.050.000 30.000.000 (226.770.690) 12.787.279.310
Công ty Hà Thành	Công ty liên kết		
Cộng		Gói 3 Lím - Phá Lại	(1.021.383.301) (1.021.383.301)
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT 829	Công ty con		
Cộng		Thuê thiết bị	272.727.273
Công ty Cổ phần Xây dựng CTGT Việt Lào	Công ty con		

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Bảo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan**

Số dư với các bên liên quan		30/06/2013	01/01/2013
Bên liên quan	Mối quan hệ	VND	VND
Trả trước cho người bán - Tiền tạm ứng thi công các dự án theo điều kiện hợp đồng			
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 808	Công ty liên kết	8.501.870.593	6.466.474.941
Công ty CP Đầu tư Xây dựng CT Giao thông 809	Công ty con	9.675.997.650	4.667.847.455
Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 810	Công ty con	48.087.612.918	46.028.266.644
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 818-CIENCO8	Công ty liên kết	145.008.015	145.008.015
Công ty CP ĐTXD và TM 819-CIENCO8	Công ty liên kết	3.112.233.789	3.310.048.396
Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 820	Công ty con	45.585.602.325	45.723.932.458
Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 829	Công ty con	11.803.267.849	3.216.670.938
Công ty Xây dựng Công trình giao thông 838	Công ty liên kết	30.501.717.796	24.984.084.432
Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 842	Công ty con	6.842.593.738	6.325.320.270
Công ty CP Tư vấn Công nghệ XD 868-Cienco8	Công ty liên kết	1.792.927.119	1.792.927.119
Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 872	Công ty liên kết	6.388.242.108	4.596.898.173
Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 873	Công ty con	17.198.839.433	15.836.932.584
Công ty Xây dựng Công trình giao thông 874	Công ty con	63.798.891.762	49.155.175.536
Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 875	Công ty con	31.062.070.520	27.879.210.490
Công ty CP Đầu tư Thương mại và XD 879 - Cienco8	Công ty liên kết	2.500.315.889	4.212.096.485
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại 886	Công ty liên kết	22.305.107.717	4.577.677.733
Công ty Xây dựng Công trình giao thông 889	Công ty con	25.109.018.248	21.893.242.626
Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 892	Công ty con	49.343.746.477	41.818.473.189
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 898-CIENCO8	Công ty liên kết	3.553.852.759	3.600.861.955
Công ty Cầu 75	Công ty con	14.347.217.209	38.981.578.635
Công ty CP Đầu tư Xây dựng TM và đào tạo 8	Công ty liên kết	12.928.005.728	15.134.408.807
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông 8	Công ty con	10.124.381.109	8.852.715.645
Công ty Việt Lào	Công ty con	26.863.859.012	21.492.487.773
Công ty Vật tư Xây Dựng	Đơn vị phụ thuộc	5.477.407.362	38.195.700.191
Công ty Cổ phần Xây dựng Miền Tây	Công ty con	44.498.835.760	37.044.973.742
Công ty Liên Doanh Miền Trung	Công ty con	27.050.558.840	21.614.551.690
Công ty Hà Thành	Công ty liên kết	11.459.768.989	1.750.029.681

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải trả người bán			
Công ty Quan Hệ Quốc tế	Công ty TCT đầu tư vốn	1.105.960.841	1.105.960.841

6.3 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty mẹ - Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Người lập

ĐDD

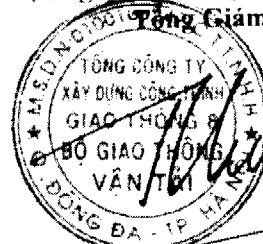
Đỗ Đình Dương

Kế toán trưởng

NVC

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Văn Thành

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2013



Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC

Vũ Hải Thành

SAO Y BẢN CHÍNH

Số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20...



TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
CHÁNH VĂN PHÒNG

Lê Thị An Hải